

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 7 – 2025
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Anh Đoan
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1988 (đề nghị vắng mặt).

Nơi cư trú: bản Đ, xã M, huyện T, tỉnh Sơn La.

Nay là bản Đ, xã M, tỉnh Sơn La.

CCCD số 034188xxxxxx, ngày cấp x, do Cục C về trật tự xã hội cấp.

Số điện thoại: 0346.xxxxxxx

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1985, (đề nghị vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang

Nay là ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

CCCD số 089085XXXXXX, do Cục C về trật tự xã hội cấp.

Số điện thoại: 0867.XXXXXX

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 14/11/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Bùi Thị V trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, bà và ông B được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 20/10/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nguyên nhân thường xuyên cãi vã về vấn đề kinh tế tẻ bạc, hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được vì vậy, mâu thuẫn của vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà và ông B sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn B.

- Về con chung: bà và ông B có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Quốc L, sinh ngày 25/9/2014 hiện đang sống với bà V. Nay bà V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Văn B trình bày:* ông và bà V có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do khác biệt về vùng miền nên lối sống khác nhau, không hòa hợp được với nhau. Sau nhiều lần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân khoảng năm 2018 đến nay, không thể hàn gắn. Nay ông đồng ý ly hôn với bà V. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Quốc L, sinh ngày 25/9/2014 hiện đang sống với bà V. Nay cũng đồng ý cho bà V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm xa nên yêu cầu được vắng mặt. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà V, ông B được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt

được nay bà V yêu cầu ly hôn ông B cũng thống nhất. Về con chung hiện con đang sống với bà V. Nay ông B đồng ý cho bà V tiếp tục nuôi 02 con chung, không cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà V và ông B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: ông Trần Văn B là bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã B, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- An Giang.

Bà V và ông B đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2006 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, không hàn gắn được mà ông bà mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà V và ông B thống nhất ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà V và ông B

Về con chung: ông B và bà V có 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Quốc L, sinh ngày 25/9/2014 hiện đang sống với bà V. Xét, từ khi ly thân đến nay các con do bà V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con chung cho bà V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; ông B không phải cấp dưỡng cho con. Bà V phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông B đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, bà V không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì ông B có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà V và ông B phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị V và ông Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Bùi Thị V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung 02 con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 01/7/2007 và Trần Quốc L, sinh ngày 25/9/2014 đến thành niên hoặc tự lập được; ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng cho con.

Bà Bùi Thị Vân S phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông B đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị V phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 75.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011768 ngày 16/01/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang). Còn lại 225.000 đồng hoàn trả cho bà Bùi Thị V.

- Ông Trần Văn B phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 75.000 đồng.

Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã B, T. AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyên